

Số: 230 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 21 tháng 01 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc sửa đổi, bổ sung các Quyết định của UBND tỉnh Đồng Nai về
Chương trình khuyến công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 01 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình khuyến công quốc gia đến năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 17/2018/TT-BCT ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia

Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công;

Căn cứ Quyết định số 59/2015/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về ban hành Quy định về việc xây dựng, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 53/2018/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về ban hành Quy định mức chi cụ thể cho các hoạt động khuyến công và công tác quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 17/2019/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về xây dựng, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 59/2015/QĐ-UBND ngày 30/12/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 4700/TTr-SCT ngày 12/12/2019,



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung các Quyết định của UBND tỉnh Đồng Nai về Chương trình Khuyến công giai đoạn 2016-2020, cụ thể:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm c Khoản 3 Điều 1 của Quyết định số 841/QĐ-UBND ngày 22/3/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về phê duyệt Chương trình khuyến công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020, cụ thể như sau:

“3. Nội dung chương trình:

c) Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật; mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp; ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp nông thôn:

- Hỗ trợ xây dựng các mô hình trình diễn về chế biến nông - lâm nghiệp, chế biến thực phẩm; sản xuất hàng công nghiệp tiêu dùng; công nghiệp hóa chất phục vụ nông nghiệp, nông thôn; sản xuất vật liệu xây dựng; sản xuất sản phẩm, phụ tùng; lắp ráp và sửa chữa máy móc, thiết bị, dụng cụ cơ khí, điện, điện tử, tin học; chế biến nguyên liệu, đặc biệt là quy mô nhỏ tại các vùng nguyên liệu phân tán để cung cấp cho các cơ sở công nghiệp chế biến.

- Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị, công nghệ tiên tiến vào các khâu sản xuất CN-TTCN, xử lý ô nhiễm môi trường.

- Tổ chức hội thảo phổ biến công nghệ, kỹ thuật mới liên quan đến sản xuất công nghiệp nông thôn.

- Hỗ trợ xây dựng mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (phát triển điện năng lượng mặt trời áp mái phục vụ sản xuất công nghiệp nông thôn).

Dự kiến kết quả đạt được: Hỗ trợ xây dựng 05 mô hình trình diễn kỹ thuật; hỗ trợ 43 cơ sở ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật; tổ chức 10 cuộc hội thảo phổ biến công nghệ, kỹ thuật mới; 20 mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 11 Điều 1 tại Quyết định số 3395/QĐ-UBND ngày 26/9/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Điều 1 Quyết định số 841/QĐ-UBND ngày 22/3/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

“11. Khoản 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

5. Kinh phí thực hiện

a) Tổng kinh phí thực hiện

Dự kiến tổng kinh phí thực hiện chương trình: 58.466 triệu đồng, trong đó:

- Nguồn kinh phí khuyến công địa phương: 32.299 triệu đồng, chiếm 55,24%;

- Nguồn kinh phí khuyến công quốc gia: 800 triệu đồng, chiếm 1,37%;

- Nguồn kinh phí thu hút từ các doanh nghiệp công nghiệp, cơ sở CNNT (nguồn khác) là 25.367 triệu đồng, chiếm 43,39%.

b) Kinh phí thực hiện Chương trình phân theo năm:

ĐVT: Triệu đồng

Năm	Tổng kinh phí	KCQG	KCĐP	Nguồn khác
2016	7.498	0	4.225	3.273
2017	7.944	200	4.263	3.481
2018	10.884	0	5.817	5.067
2019	12.957	300	7.912	4.745
2020	19.183	300	10.082	8.801
Cộng	58.466	800	32.299	25.367

c) Kinh phí thực hiện phân theo nội dung hỗ trợ khuyến công

- Kinh phí khuyến công địa phương: Dự kiến tổng kinh phí khuyến công địa phương thực hiện chương trình là 32.299 triệu đồng. Trong đó:

+ Đào tạo nghề, truyền nghề là 3.724 triệu đồng.

+ Nâng cao năng lực quản lý cho các cơ sở công nghiệp nông thôn là 2.449 triệu đồng.

+ Xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật; mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp; chuyên giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến là 11.714 triệu đồng.

+ Phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu là 4.858 triệu đồng.

+ Tư vấn, trợ giúp cơ sở công nghiệp nông thôn là 210 triệu đồng.

+ Cung cấp thông tin về các chính sách phát triển công nghiệp, khuyến công là 3.806 triệu đồng.

+ Hỗ trợ liên doanh liên kết, hợp tác kinh tế, phát triển các cụm công nghiệp là 3.240 triệu đồng.

+ Nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công là 1.853 triệu đồng.

+ Kinh phí thực hiện đề án phát triển ngành nghề truyền thống là 95 triệu đồng.

+ Kinh phí quản lý, giám sát Chương trình khuyến công là 350 triệu đồng.

- Kinh phí khuyến công quốc gia: Dự kiến kinh phí khuyến công quốc gia thực hiện chương trình là 800 triệu đồng cho hoạt động hỗ trợ ứng dụng máy móc tiên tiến.

d) Bố trí và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước:

- Kinh phí thực hiện Chương trình do Sở Công Thương quản lý, tổ chức thực hiện theo quy định hiện hành.



- Hàng năm, căn cứ Chương trình khuyến công được cấp có thẩm quyền phê duyệt, theo quy định hiện hành và khả năng cân đối ngân sách cho công tác khuyến công, Sở Công Thương xây dựng kế hoạch, phối hợp Sở Tài chính lập dự toán kinh phí thực hiện trình UBND tỉnh xem xét bố trí kinh phí thực hiện. Đồng thời, xây dựng và đề xuất trình Bộ Công Thương xem xét phê duyệt các đề án khuyến công quốc gia để triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh.

- Kinh phí khuyến công phải sử dụng đúng mục đích, đúng nội dung, có hiệu quả. Trường hợp kinh phí khuyến công trong năm không sử dụng hết thì được xem xét chuyển sang năm sau để thực hiện theo quy định.

- Kinh phí thực hiện các đề án phát triển ngành nghề TTCN truyền thống; đề án khuyến công tại các khu tái định cư; đề án phát triển cụm công nghiệp; đề án phát triển công nghiệp hỗ trợ; chương trình chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp theo khối lượng công việc và nhiệm vụ được giao hàng năm Sở Công Thương thống nhất với Sở Tài chính trình UBND tỉnh cân đối bố trí giao dự toán hoặc bổ sung dự toán hàng năm.”

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Công Thương, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ, Văn hóa thể thao và Du lịch, Lao động Thương binh và Xã hội, Cục Thống kê tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa, Giám đốc Trung tâm Khuyến công và Tư vấn Phát triển Công nghiệp tỉnh Đồng Nai, Đài Phát thanh - Truyền hình Đồng Nai và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan; lãnh đạo các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất tham gia chương trình khuyến công chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các nội dung khác của Quyết định số 841/QĐ-UBND ngày 22/3/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về phê duyệt Chương trình khuyến công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020 và Quyết định số 3395/QĐ-UBND ngày 26/9/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Điều 1 Quyết định số 841/QĐ-UBND ngày 22/3/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2
- Cục Công Thương địa phương;
- Chủ tịch, các phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban KTNS - HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, KTNS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Vĩnh